TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/DS-PT
Ngày: 27-6-2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Nguyễn Văn Vững

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/6/2019 và ngày 27/6/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 187/2019/TLPT- DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2019/QĐPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phát Tr, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp Hưng L, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông Tr là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: khóm Bình T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2019) (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Thanh V, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Hưng T, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Bà Lê Kim P, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Hưng L, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1962.

3.2. Anh Lê Hoàng Duy L, sinh năm 1990.

3.3. Chị Lê Hoàng Ngọc L, sinh năm 1992.

Cùng địa chi: ấp Hưng T, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của Lê Hoàng Duy L, Lê Hoàng Ngọc L là ông Lê Thanh V (theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2013) (Có mặt).

3.4. Ông Lê Ngọc A, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: ấp Hưng L, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1951.

3.6. Anh Lê Quốc T, sinh năm 1983.

3.7. Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Sấp Hưng L, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của Lê Ngọc A, Lê Thị H, Nguyễn Thị Thu B là anh Lê Quốc T sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp Hưng L, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2018) (Có mặt).

3.8. Ủy ban nhân dân huyện L; (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm Bình T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

- *Người đại diện theo pháp luật* là ông Đặng Hữu T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Thanh V là bị đơn; Bà Nguyễn Ngọc L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ủy quyền cho anh T trình bày: Diện tích đất ông Tr đang tranh chấp với bà Lê Kim P, ông Lê Thanh V đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đòi lại quyền sử dụng đất, đất tranh chấp ông V đang sử dụng, bà P giữ giấy, đất do hộ ông Lê Phát Tr đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 04/9/2003. Nguồn gốc đất này là của ông Lê Ngọc A (anh ruột ông Tr, ông V, bà P) ông Ngọc A chuyển

nhượng đất này cho ông Tr năm 2003. Trước đây vào ngày 03/10/1997 ông Ngọc A làm giấy tay chuyển nhượng phần đất này cho ông V diện tích 1,5 công tầm 3m. Do ông V đã nhận hết phần đất trước đây cha ông Tr chia cho ông Tr 5.000m^2, nên ông V yêu cầu ông Ngọc A làm thủ tục chuyển phần đất mà ông V mua của ông Ngọc A qua cho ông Tr, đến năm 2003 thì ông Ngọc A làm thủ tục chuyển phần đất này cho ông Tr đứng tên được sự đồng ý của ông V (giữa ông Tr và ông Ngọc A có làm thủ tục chuyển nhượng với giá 1.500.000đ) sau đó ông Ngọc A lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về lúc này ông Tr không có ở nhà nên ông Ngọc A giao giấy cho bà D giữ (bà D là mẹ ruột của ông V, bà P, ông Tr) và ông Tr giao phần đất này cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Kim D sử dụng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2007 bà D chết, bà P là em ruột ông Tr ở chung với bà D từ nhỏ tiếp tục sử dụng đất này và giữ giấy đất không được sự đồng ý của ông Tr, sau đó ông V tiếp tục trực tiếp canh tác phần đất này cho đến nay.

Nay ông Tr yêu cầu bà P trả lại cho ông Tr giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/9/2003 thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 và yêu cầu hộ ông V trả lại diện tích đất lúa 2.000m^2 thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 do ông Tr đứng tên quyền sử dụng đất để ông Tr sử dụng.

Việc ông V, bà P trình bày có sự thỏa thuận giữa ông Tr, bà P, ông V là giao cho ông Tr đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, bà P giữ giấy đất và ông V trực tiếp sử dụng đất là không có. Ông V yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp thửa 493b, tờ bản đồ số 05 diện tích 2000m^2, ông Tr không đồng ý vì đất được cấp đúng trình tự theo quy định pháp luật.

Ông Tr thống nhất giá mà Hội đồng định giá huyện L đã định là 80.000đ/m^2.

- Bị đơn trình bày:

+ Bà Lê Kim P trình bày: Diện tích 2.000 m^2 đất lúa thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã Long H là của ông Ngọc A, vào năm 1997 ông Ngọc A có làm giấy tay chuyển nhượng phần đất này lại cho ông V với giá 30 (ba mươi) chỉ vàng 24k (ông Ngọc A nhận vàng từ ông V). Nhưng sau đó giữa ông Tr, ông V, bà có thỏa thuận giao quyền sử dụng đất này lại cho ông Tr đại diện hộ đứng tên (cấp cho hộ) ông V sử dụng đất, bà giữ giấy đất, vì bà ở chung hộ với ông Tr, hiện nay đất này ông V trực tiếp sử dụng, bà là người giữ giấy đất. Nay ông Tr yêu cầu bà trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không đồng ý vì đất này của ông V, ông Tr chỉ đứng tên dùm thôi. Đất này ông Tr không mua cũng như không đổi đất với ai hết, bà sẽ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông V.

Bà thống nhất giá mà Hội đồng định giá huyện L đã định là 80.000 đồng/m^2.

+ Ông Lê Thanh V là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Lê Hoàng Duy L, Lê Hoàng Ngọc L trình bày: Vào ngày 03/10/1997 anh ruột ông là ông Ngọc A có bán cho ông 1,5 công đất ruộng (công tầm 3m) với giá 30 chỉ vàng 24k (9999) ông và ông Ngọc A có làm giấy tay mua bán với nhau, ông đã giao vàng cho ông Ngọc A xong và ông đã sử dụng đất từ đó cho đến nay. Lý do ông Tr đứng tên diện tích đất này là do có sự thỏa thuận giữa ông V, bà P và ông Tr là ông

đồng ý cho ông Tr đại diện hộ đứng tên, thủ tục chuyển từ ông Ngọc A qua cho ông Tr, bà P giữ giấy đất, ông V sử dụng đất vì lúc này mẹ ông V là bà D cũng ở chung hộ với ông Tr.

Nay ông Tr yêu cầu ông trả lại 2.000 m^2 đất lúa mà ông mua của ông Ngọc A, ông không đồng ý, vì đất này ông đã mua của ông Ngọc A, chỉ thỏa thuận miệng cho ông Tr đại diện hộ đứng tên. Ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 với lý do ông Tr không thực hiện đúng thỏa thuận, không trung thực, khi giao đất cho ông Tr đại diện hộ đứng tên ông không bàn với các thành viên trong hộ, nay các thành viên trong hộ không thống nhất việc này, để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông đứng tên.

Ông thừa nhận tờ thỏa thuận ngày 27/8/2008 giữa ông với ông Tr là do ông viết và ký vào, nội dung ông đồng ý giao lại cho ông Tr 4.300m^2 đất ruộng với điều kiện trong thời hạn 30 ngày ông Tr phải làm thủ tục sang tên lại cho ông diện tích 2.000m^2 đất mà ông đã mua của ông Ngọc A để cho ông Tr đứng tên, đồng thời không tranh chấp bất cứ tài sản nào khác nữa của cha mẹ, nhưng sau đó ông Tr không thực hiện và đi thưa ông, nên ông không thống nhất thực hiện theo tờ thỏa thuận ngày 27/8/2008.

Tờ di chúc ngày 24/8/1990 của ông Lê Văn A lập có xác nhận của chính quyền địa phương, di chúc này ông Lê Văn A lúc còn sống có nói với ông là đã hủy bỏ và lập lại tờ di chúc khác, ông Lê Văn A không cho ông Tr phần đất nào hết. Ông thống nhất giá mà Hội đồng định giá huyện L đã định là 80.000đ/m^2.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Lê Quốc T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho bà H, ông Ngọc A, bà Thu B trình bày: Vào ngày 03/10/1997 ông Ngọc A có bán cho em ruột là ông V diện tích 1,5 công đất ruộng tầm 3m với giá 30 (ba mươi) chỉ vàng 24k (vàng 9999) ông V đã giao đủ vàng cho ông Ngọc A và ông Ngọc A giao đất cho ông V. Do trước đây cha ông Ngọc A là ông Lê Văn A có cho ông Tr 05 công đất ruộng, nhưng đất này ông V sử dụng và đứng tên luôn phần diện tích mà ông Văn A cho ông Tr, nên ông V đã mua 1,5 công đất ruộng của ông Ngọc A để trả lại cho ông Tr nên ông Ngọc A và ông V, ông Tr có thỏa thuận thống nhất chuyển thẳng từ tên ông Ngọc A qua tên ông Tr, nhằm tránh chi phí chuyển nhượng (có sự thống nhất của ông V) nên ông Ngọc A mới chuyển quyền sử dụng đất này cho ông Tr việc này ông V cũng đồng ý.

Nay ông Ngọc A yêu cầu ông V trả đất lại cho ông Tr và bà P trả giấy chứng nhận quyền sử dụng phần diện tích đất nói trên lại cho ông Tr.

Ông Ngọc A thống nhất giá mà Hội đồng định giá huyện L đã định là 80.000 đ/m^2.

+ Bà Nguyễn Ngọc L trình bày: Vào ngày 03/10/1997 anh chồng bà L là ông Ngọc A có bán cho chồng bà là ông V 1,5 công đất ruộng (tầm 3m) với giá 30 (ba mươi) chỉ vàng 24k (9999) chồng bà và ông Ngọc A làm giấy tay mua bán với

nhau, chồng bà đã giao vàng cho ông Ngọc A và sử dụng đất từ đó cho đến nay. Lý do ông Tr đứng tên diện tích đất này là do có sự thỏa thuận giữa chồng bà là ông V với bà P, ông Tr và ông V đồng ý cho ông Tr đại diện hộ đứng tên, bà P giữ giấy đất vì lúc này mẹ chồng bà cũng ở chung hộ với ông Tr, việc thỏa thuận giữa ông V, ông Tr, bà P, ông V không có bàn bạc với bà và các thành viên trong hộ nên bà không đồng ý việc thỏa thuận này.

Bà thống nhất giá mà Hội đồng định giá huyện L đã định là 80.000đ/m^2.

Tại bản án số 03/2019/DSST ngày 08/01/2019 của Tòa án huyện L tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc hộ ông Lê Thanh V (hộ ông V gồm: Lê Thanh V, Nguyễn Ngọc L, Lê Hoàng Duy L, Lê Hoàng Ngọc L) trả lại quyền sử dụng đất cho ông Lê Phát Tr diện tích theo đo đạc thực tế là 2.01l,3m^2 đất thuộc thửa số 493b, tờ bản đồ số 5, do ông Lê Phát Tr đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, đất được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/9/2003, đất tọa lạc tại ấp Hưng L, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 07/01/2019 kèm theo).

Buộc bà Lê Kim P trả lại cho ông Lê Phát Tr giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03722, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ Lê Phát Tr ngày 04/9/2003 diện tích 2.000m^2 (đo đạc thực tế 2.01l,3m^2) thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bác yêu cầu của ông Lê Thanh V và bà Nguyễn Ngọc L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03722 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Lê Phát Tr ngày 04/9/2003 diện tích 2.000m^2 (đo đạc thực tế 2.01l,3m^2) thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng tháp.

Ông Lê Phát Tr đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký lại quyền sử dụng đất đúng với diện tích theo đo đạc thực tế.

- Về chi phí thẩm định, đo đạc định giá là: 3.984.000đ ông Lê Thanh V phải có nghĩa vụ chi trả, số tiền này ông Tr đã tạm nộp và đã chi xong, nên ông Lê Thanh V có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Phát Tr 3.984.000đ.

- Về án phí: Ông Lê Thanh V có nghĩa vụ nộp 8.548.000đ án phí sơ thẩm dân sự.

Ông Lê Phát Tr được nhận lại 3.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 11/12/2012 theo biên lai thu số 004803 tại Chi cục Thi hành án huyện L.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/01/2019 ông Lê Thanh V, bà Nguyễn Ngọc L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm xử, ông, bà không đồng ý trả lại quyền

sử dụng đất cho ông Lê Phát Tr diện tích theo đo đạc thực tế là 2.01l,3m^2 đất thuộc thửa số 493b, tờ bản đồ số 5 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03722 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Lê Phát Tr ngày 04/9/2003.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông V, bà L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V, bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, ông V, bà L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của ông, bà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất đang tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 2.011,3m^2 (trên giấy chứng nhận được cấp diện tích 2.000m^2) thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 do hộ ông Lê Phát Tr đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp vào ngày 04/9/2003.

Nguồn gốc phần diện tích tranh chấp trên là của ông Lê Ngọc A (anh ruột ông Tr, ông V, bà P). Vào ngày 03/10/1997 ông Lê Ngọc A làm giấy tay chuyển nhượng phần đất này cho ông Lê Thanh V diện tích 1,5 công tầm 3m. Căn cứ vào tờ tường trình bổ sung ngày 22/4/2014 của ông Lê Ngọc A có nội dung xác nhận phần đất này, ông Ngọc A đã chuyển nhượng cho ông V, nhưng ông V thống nhất chuyển nhượng diện tích đất này để trả lại cho ông Tr theo tờ chúc ngôn (di chúc) ngày 24/8/1990 của ông Lê Văn A là cha ông Tr, ông V, ông Ngọc A, bà P lập có xác nhận của chính quyền địa phương, bằng hình thức lấy phần diện tích 2.000m^2 thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 mà ông V đã chuyển nhượng của ông Ngọc A để trả lại cho ông Tr, vì phần đất theo tờ chúc ngôn (di chúc) của ông Lê Văn A để lại cho ông Tr hiện nay ông V đang canh tác. Sau đó ông Ngọc A và ông Tr có làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng sang tên phần đất hiện nay các bên đang tranh chấp. Lời trình bày này của ông Ngọc A phù hợp quá trình thời gian cấp đất và thủ tục

cấp đất tại hồ sơ cấp đất cho ông Tr và tờ chúc ngôn (di chúc) ngày 24/8/1990 của ông Lê Văn A để lại.

[2] Ông Lê Thanh V và bà Lê Kim P cho rằng phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông V, bà L mua của ông Ngọc A chỉ cho ông Tr đại diện hộ đứng tên dùm, lúc này trong hộ có (Tr, D, P) không phải đất của ông Tr, khi có giấy đất ông V giao cho bà P giữ đến nay, nhưng ông V và bà P không có chứng cứ giấy tờ gì chứng minh cho việc thỏa thuận cho ông Tr là người đại diện hộ đứng tên trên giấy chứng nhận, nên không có cơ sở xem xét.

[3] Đối với tờ chúc ngôn (di chúc) ngày 24/8/1990 của ông Lê Văn A lập có xác nhận của chính quyền địa phương, theo ông V trình bày di chúc này ông Lê Văn A lúc còn sống có nói với ông V là đã hủy bỏ và lập lại tờ di chúc khác là không cho ông Tr phần đất nào hết. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm cũng như quá trình giải quyết ông V cũng không xuất trình được văn bản di chúc khác mà ông đã trình bày. Căn cứ theo quy định pháp luật thì tờ chúc ngôn (di chúc) ngày 24/8/1990 của ông Lê Văn A lập có xác nhận của chính quyền địa phương là chứng cứ phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông V xuất trình tờ chúc thư sau khi ông Lê Văn A chết ông mới thấy, tờ chúc thư này không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, nội dung tờ chúc thư ông Văn A muốn nhắn gửi lại những lời tốt đẹp cho con cháu sau này. Do đó, xét tờ chúc thư do ông V xuất trình là không có căn cứ pháp lý.

Do đó, xét kháng cáo của ông Lê Thanh V, bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.000m^2 thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 do hộ ông Lê Phát Tr đứng tên là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V, bà L.

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông V, bà L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, trong quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể rõ ràng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V, bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 473; Điều 166; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Thanh V, bà Nguyễn Ngọc L.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc hộ ông Lê Thanh V (hộ ông V gồm: Lê Thanh V, Nguyễn Ngọc L, Lê Hoàng Duy L, Lê Hoàng Ngọc L) trả lại quyền sử dụng đất cho ông Lê Phát Tr diện tích theo đo đạc thực tế là 2.01l,3m^2 đất thuộc thửa số 493b, tờ bản đồ số 5, do ông Lê Phát Tr đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, đất được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/9/2003, đất tọa lạc tại ấp Hưng L, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có sơ đồ đo đạc ngày 07/01/2019 kèm theo).

Buộc bà Lê Kim P trả lại cho ông Lê Phát Tr giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số vào sổ 03722, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Lê Phát Tr ngày 04/9/2003 diện tích 2.000m^2 (đo đạc thực tế 2.01l,3m^2) thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bà Lê Kim P không giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03722, cấp cho hộ Lê Phát Tr ngày 04/9/2003, để cấp lại cho ông Tr theo quy định pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh V, bà Nguyễn Ngọc L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03722 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Lê Phát Tr ngày 04/9/2003 diện tích 2.000m^2 (đo đạc thực tế 2.01l,3m^2) thuộc thửa 493b, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng tháp.

Ông Lê Phát Tr đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất đúng với diện tích theo đo đạc thực tế.

5. Về chi phí thẩm định, đo đạc định giá là: 3.984.000đ ông Lê Thanh V phải chịu, số tiền này ông Tr đã tạm nộp và đã chi xong, nên ông Lê Thanh V có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Phát Tr 3.984.000đ.

6. Về án phí: Ông Lê Thanh V phải nộp 8.548.000đ án phí sơ thẩm dân sự.

- Ông Lê Phát Tr được nhận lại 3.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 11/12/2012 theo biên lai thu số 004803 tại Chi cục Thi hành án huyện L.

7. Án phí phúc thẩm:

Ông Lê Thanh V, bà Nguyễn Ngọc L mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0007001, 0007002 cùng ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (ông V, bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.